

Bản án số: 649/2019/HSPT

Ngày 24 tháng 10 năm 2019

“Thạch Đ - Giết người,
Hiếp dâm, cướp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 266/2019/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Thạch Đ do bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Bị cáo có kháng cáo: Thạch Đ, sinh năm 1983 tại tỉnh S; Thường trú: Ấp Phú Thành A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh S; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Khơ me; Con ông Thạch Cà H và bà Lâm Thị Mỹ L¹; chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 011768/QĐ-XPHC ngày 06/12/2017 của Công an xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh S phạt 1.500.000 đồng hành vi trộm cắp tài sản; Quyết định số 46/QĐ-XPVPHC ngày 19/8/2018 của Công an xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh S phạt 750.000 đồng hành vi gây rối trật tự công cộng; Quyết định số 47/QĐ-XPVPHC ngày 27/8/2018 của Công an xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh S phạt 750.000 đồng hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Nhân thân: Bản án số 33/2006/HSST ngày 11/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh S phạt 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản*” (chấp hành hình phạt xong ngày 09/3/2007), Bản án số 38/2011/HSST ngày 01/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh S phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong); Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2018 đến ngày 20/9/2018 chuyển sang tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Hùng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Ông Thạch Cà H, sinh năm 1950 (Cha bị cáo) – Có mặt;

2. Bà Lâm Thị Mỹ L¹, sinh năm 1952 (Mẹ bị cáo) – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thành A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh S.
Ngoài ra còn có 10 người đại diện hợp pháp của người bị hại không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ đêm 14/9/2018, sau khi uống rượu và sử dụng ma túy, Thạch Đ nhớ lại bị bà Trần Thị Mỹ L chửi vào hai ngày trước nên Đ nảy sinh ý định giết và lấy tài sản của bà L. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi bộ đến nhà bà L quan sát thấy có khoảng tường trống sau nhà có thể đột nhập vào nhà được. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Đ lấy 01 cái ghế kê lên và trèo vào nhà vệ sinh, đi tiêu và lấy cái áo ở gần đó chui xong ném bỏ áo qua cửa sổ. Sau đó Đ đi vào nhà bếp lấy chuối ăn xong đi ra nhà trước mở tủ tìm tài sản nhưng không có tài sản gì nên Đ ngồi chờ bà L ngủ sẽ giết bà L. Trong lúc Đ ngồi chờ thì bà L thức dậy đi vệ sinh xong quay trở lại giường và nói: *“Hôm nay nhà có gì kỳ kỳ”*. Nghe vậy sợ bà L phát hiện nên Đ đến chỗ bà L nằm thì bà L la lên và hỏi: *“Ai vậy?”*, Đ trả lời: *“Thằng bẻ dũa bà chửi hôm đó, bữa nay tôi vô giết bà”*, vừa nói xong Đ chui vô mừng ngồi lên bụng bà L, dùng tay bóp cổ cho đến khi bà L nằm im. Lúc này Đ nảy sinh ý định giao cầu với bà L nên dùng tay bứt đứt áo ngực và cởi quần bà L ra tới đầu gối xong Đ kéo bà L xuống nền gạch để giao cầu, Đ cởi quần của Đ ra để lên giường nhưng thấy bà L nằm im không còn thở, nghĩ rằng bà L đã chết nên Đ không thực hiện hành vi giao cầu mà kéo bà L vào nhà vệ sinh và bỏ bà L vào thùng nước. Lúc này phát hiện trên cổ bà L có dây chuyền nên Đ tháo dây chuyền của bà L ra rồi đeo vào cổ mình và tiếp tục bỏ bà L vào thùng nước theo tư thế đầu cắm xuống đất, chân đưa lên trời rồi Đ leo tường ra ngoài đi về nhà. Sáng 15/9/2018, người nhà phát hiện bà L chết nên trình báo công an.

Ngày 17/9/2018, phát hiện Đ đeo sợi dây chuyền giống dây chuyền của bà L nên Cơ quan điều tra làm việc với Đ thì Đ khai nhận đã thực hiện hành vi như nêu trên.

Kết luận pháp y về tử thi số 18/TT-PY ngày 12/10/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh S kết luận Trần Thị Mỹ L chết do ngạt nước.

Kết luận giám định số 3958/C09B ngày 08/11/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Mẫu lông, tóc trên giường ngủ của nạn nhân Trần Thị Mỹ L (Mẫu 3) là lông, tóc người. Phân tích ADN từ mẫu lông, tóc này được kiểu gen hoàn chỉnh của một nam giới và một nữ giới. Kiểu gen của nam giới trùng với kiểu gen của Thạch Đ, kiểu gen của nữ giới trùng với kiểu gen của Trần Thị Mỹ L.

- Không phát hiện tinh trùng có trong mẫu dịch âm đạo ghi thu của Trần Thị Mỹ L (Mẫu 6).

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 212/2018/KLGĐTC ngày 30/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam bộ kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại, Thạch Đ có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng các chất ảo giác (F16.71-ICD 10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại, Thạch Đ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

Kết luận định giá tài sản số 3855/HĐĐGTSTTHS ngày 05/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh S kết luận: Tổng giá trị vàng thị trường tại thời điểm ngày 14/9/2018 đối với sợi dây chuyền trọng lượng 2,52 chỉ, loại vàng 18K, 07 tuổi, giá mua vào 5.696.000 đồng, bán ra 5.891.760 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại về mai táng phí với số tiền 11.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSST-P2 ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đã truy tố Thạch Đ về các tội: “*Giết người*”, “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm g, n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 141 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Căn cứ điểm g, n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 141; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Thạch Đ phạm các tội: “*Giết người*”, “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Thạch Đ tử hình về tội “*Giết người*”; 03 (Ba) năm tù về tội “*Hiếp dâm*” và 05 (Năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về trách nhiệm bồi thường; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2018, bị cáo Thạch Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Thạch Đ khai nhận, bị cáo là người dân tộc Khơ me, bị cáo hiểu và nghe nói được tiếng Việt nên không yêu cầu cử người phiên dịch tiếng Khơ me. Do bà L là bị cáo không lợm trái dừa nên bị cáo đã giết bà L, định giao cầu nhưng thấy bà L nằm im tưởng bà L chết nên không giao cầu, bị cáo có lấy sợi dây chuyền vàng của bà L, sau đó bị cáo bỏ bà L chổng đầu vào thùng nước làm bà L chết. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sống.

Ông Thạch Cà H trình bày lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là do bị cáo tự khai ra, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Luật sư đề nghị xem xét có sự chuyển hóa giữa dự kiến ban đầu của bị cáo định giết bà L để trả thù, nhưng bị cáo bóp cổ bà L chưa chết mà bà L chết là do ngạt nước nên không có tính chất côn đồ. Bị cáo cũng không giết người để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác nên Bản án sơ thẩm áp dụng điểm g, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là chưa chính xác, mà bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thật thà khai báo, ăn năn hối lỗi, có ý thức đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện người bị hại, là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, là người bị hạn chế năng lực hành vi nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Dại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm các tội “*Giết người*”, “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” là đúng người, đúng tội; đồng thời tuyên phạt tử hình về tội “*Giết người*”; 03 (Ba) năm tù về tội “*Hiếp dâm*” và 05 (Năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*” là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo về hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

Bị cáo có cha đẻ là người dân tộc Khơ me, mẹ đẻ là người dân tộc Kinh. Có tài liệu thể hiện bị cáo dân tộc Khơ me, nhưng cũng có tài liệu thể hiện bị cáo dân tộc Kinh. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo và cha đẻ của bị cáo xác định bị cáo dân tộc Khơ me. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bị cáo được xác định là dân tộc Khơ me (dân tộc ít người hơn).

Bị cáo và ông Thạch Cà H đều hiểu và nghe nói được tiếng Việt, không yêu cầu cử phiên dịch tiếng Khơ me.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận giám định cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào tối ngày 14/9/2018, sau khi uống rượu và sử dụng ma túy, bị cáo Thạch Đ nhớ lại chuyện bà Trần Thị Mỹ L chửi bị cáo không lượm trái dừa rơi dưới nương nên đã đến nhà bà L để vừa trả thù, vừa lấy tài sản của bà L. Bị cáo chui vào mùng bóp cổ bà L cho đến khi bà L nằm im thì bị cáo nảy sinh ý định giao cầu với bà L nên dùng tay bứt đứt nút áo ngực bà L, cởi quần bà L tới đầu gối, tự cởi quần của mình ra rồi kéo bà L xuống nền gạch định giao cầu nhưng thấy bà L nằm im, tưởng bà L đã chết nên bị không thực hiện việc giao cầu mà kéo bà L vào nhà vệ sinh, tháo dây chuyền vàng (có giá trị 5.696.000 đồng) trên cổ bà L đeo vào cổ bị cáo, sau đó bỏ bà L vào thùng nước theo tư thế đầu cắm xuống, chân đưa lên trời, hậu quả làm bà L chết do ngạt nước (khi phát hiện thì tử thi bà L không có mặc quần). Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Thạch Đ phạm các tội: “*Giết người*”, “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*” là đúng người, đúng tội.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo đã nung nấu ý định và đã thực hiện việc giết bà L bằng cách bóp cổ đến khi bà L nằm im, hành vi đó mang tính chất côn đồ. Bị cáo đã cướp lấy dây chuyền vàng của bà L, nên bị cáo giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng khác theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là không đúng, nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của luật sư xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cần phải xử phạt nghiêm. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là

thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi. Bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường nên không có căn cứ để chấp nhận việc luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức là do bị cáo sử dụng ma túy nên không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cha của bị cáo đã bị thu hồi giấy chứng nhận thương binh nên không xem đây là tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc ít người, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thiếu sót, cần bổ sung. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện tội phạm rất dã man, mất hết nhân tính; Bị cáo có quá trình nhân thân rất xấu, nên cho dù có xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ nêu trên xét thấy cũng không còn có thể cải tạo bị cáo được nữa, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, lời đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị cáo và lời bào chữa của luật sư, cần phải loại trừ bị cáo vĩnh viễn ra khỏi xã hội theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

2. Căn cứ các điểm e, n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 141; khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Thạch Đ phạm các tội: “*Giết người*”, “*Hiếp dâm*” và “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Thạch Đ tử hình về tội “*Giết người*”; 03 (Ba) năm tù về tội “*Hiếp dâm*” và 05 (Năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Thạch Đ được gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước.

3. Bị cáo Thạch Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- Viện kiểm sát ND tỉnh S;
- Công an tỉnh S;
- Sở Tư pháp tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Trại tạm giam Công an tỉnh S
(Trại tạm giam Công an tỉnh S tổng đạt
cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

